

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2018

“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông **Lê Văn Cao**

2/- Ông **Nguyễn Trường Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Giữ**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Ông **Đặng Chí Thiện**, kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Hồng Thanh P**, sinh năm 1974
Địa chỉ: số 281, đường M, khóm C, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung chưa thành niên: **Hồng Tấn Ph**, sinh ngày 16/6/2003
Địa chỉ: số 281, đường M, khóm C, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, bà Nguyễn Thanh T trình bày: Tôi và anh Hồng Thanh P sống chung như vợ chồng vào năm 2002 nhưng không có kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi có một đứa con chung là Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp tính tình, thường hay cãi vã. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung là cháu Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003, hiện nay đang sống chung với cha, tôi đồng ý giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và tôi không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hồng Thanh P vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Tôi và cô Nguyễn Thanh T sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 không có kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con là Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003. Cuộc sống vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn thì tôi cũng đồng ý. Về con chung là cháu Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003 hiện nay đang sống chung với tôi, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cô T phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu Hồng Tấn Ph vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Con là con của cha Hồng Thanh P và mẹ Nguyễn Thanh T. Nay cha mẹ con ly hôn thì con có nguyện vọng được sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với ông Hồng Thanh P. Về con chung là cháu Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003, hiện nay đang sống chung với ông P, bà T đồng ý giao con cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồng Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt, cháu Hồng Tấn Ph vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/- Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông P theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Hồng Thanh P chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông P, nên áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10; khoản 1 Điều 9; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do bà T và ông P chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận vợ chồng.

3/- Về con chung: 01 người con chung là Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003, bà T và ông P thống nhất giao con chung cho ông P nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph là được sống chung với cha, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4/- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh T và ông Hồng Thanh P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thanh T và ông Hồng Thanh P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/- Về án phí: Bà T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; các Điều 11; 12; 13; 14; 15 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Hồng Thanh P là vợ chồng.

- **Về con chung:** 01 người con chung là Hồng Tấn Ph, sinh ngày 16/6/2003, bà T và ông P thống nhất giao con chung cho ông P nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung là được sống chung với cha, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thanh T và ông Hồng Thanh P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015581 ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, nên bà T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục Phc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi